

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS LÊ VĂN TÁM

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
1	27443	PHAN TRƯỞNG HOÀNG	AN	9/4	NAM	07/04/2002	TP.HCM	6.75	9.00	4.25	1.00	32.00
2	27445	CAO THÙY MINH	ANH	9/3	NỮ	28/10/2002	THỪA THIÊN HUẾ	7.75	6.25	7.00	1.50	37.25
3	27446	DƯƠNG NGỌC	ANH	9/4	NỮ	19/10/2002	QUẢNG NAM	6.75	9.00	6.00	1.50	36.00
4	27448	ĐÀO TUYẾT	ANH	9/4	NỮ	29/07/2002	TP.HCM	6.75	6.50	5.00	0.00	30.00
5	27449	ĐINH LÊ QUỲNH	ANH	9/4	NỮ	01/11/2002	TP.HCM	7.00	6.25	6.25	1.50	34.25
6	27451	HÀNG NHẬT	ANH	9/2	NAM	26/11/2002	TP.HCM	6.75	4.50	4.75	1.50	29.00
7	27458	NGUYỄN DUY	ANH	9/2	NAM	13/08/2002	HÀ NỘI	6.75	8.25	7.25	2.50	38.75
8	27459	NGUYỄN ĐOÀN PHÚC	ANH	9/3	NAM	07/10/2002	TP.HCM	4.25	5.00	4.75	0.50	23.50
9	27463	NGUYỄN HỒNG KIẾN	ANH	9/7	NỮ	06/05/2002	TP HCM	8.00	9.25	7.25	1.50	41.25
10	27464	NGUYỄN LÂM TRÂM	ANH	9/1	NỮ	03/07/2002	TP.HCM	6.50	3.00	3.75	0.50	24.00
11	27466	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	9/4	NỮ	18/07/2002	TP.HCM	6.00	6.00	5.25	1.50	30.00
12	27469	NGUYỄN QUỲNH	ANH	9/7	NỮ	17/07/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.50	8.75	6.00	1.00	34.75
13	27474	PHẠM LÊ TUYẾT	ANH	9/4	NỮ	16/09/2002	TP.HCM	5.25	3.00	2.25	1.00	19.00
14	27480	ĐOÀN NGỌC GIA	ÂN	9/6	NỮ	20/05/2002	HỒ CHÍ MINH	6.75	8.50	6.00	1.50	35.50
15	27481	NGUYỄN NGỌC THIÊN	ÂN	9/7	NỮ	29/04/2002	TP HCM	7.50	7.75	4.25	2.50	33.75
16	27483	NGUYỄN THỊ THÙY	ÂN	9/7	NỮ	30/09/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.50	9.50	5.00	1.50	34.00
17	27484	TRẦN BẢO	ÂN	9/1	NAM	10/06/2002	TP.HCM	6.50	6.75	5.00	1.00	30.75
18	27486	CHU GIA	BẢO	9/8	NAM	16/03/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.00	9.00	7.25	2.50	38.00
19	27492	NGUYỄN TRÍ	BẢO	9/1	NAM	23/04/2002	HÀ NỘI	5.75	8.00	4.25	1.00	29.00
20	27502	HUỲNH NGỌC MINH	CHÂU	9/6	NỮ	26/03/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.25	6.50	5.00	1.50	30.50
21	27504	NGUYỄN HOÀNG	CHÂU	9/2	NỮ	15/10/2002	TP.HCM	6.00	7.75	4.75	1.50	30.75
22	27505	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	9/5	NỮ	24/02/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.25	8.50	6.25	3.50	39.00
23	27509	HOÀNG THẢO	CHI	9/3	NỮ	03/04/2002	TP.HCM	6.75	8.50	6.50	1.50	36.50
24	27511	PHẠM THỊ QUẾ	CHI	9/4	NỮ	31/08/2002	TP.HCM	5.75	5.00	5.00	0.50	27.00
25	27512	LÊ NHẬT	CHƯỜNG	9/3	NAM	12/07/2002	TP.HCM	6.50	8.00	7.75	1.50	38.00
26	27514	TRẦN NGỌC DUY	CHƯỜNG	9/3	NAM	02/08/2002	TP.HCM	6.00	7.50	3.00	1.50	27.00

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS LÊ VĂN TÁM**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
27	27523	TRƯƠNG KHẢ	DI	9/2	NỮ	26/09/2002	TP.HCM	5.75	7.75	6.50	1.50	33.75
28	27532	MAI XUÂN	DUY	9/3	NAM	12/09/2002	BÌNH ĐỊNH	5.25	5.00	4.00	1.50	25.00
29	27533	NGUYỄN HOÀNG	DUY	9/7	NAM	13/01/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.00	8.75	5.50	1.50	35.25
30	27543	LÊ TRÍ	ĐẠT	9/7	NAM	10/08/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	5.25	9.75	7.25	1.50	36.25
31	27556	TỪ NGUYỄN THỰC	ĐOAN	9/2	NỮ	22/03/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.25	7.50	5.00	1.00	33.00
32	27561	LÊ HUỖNH	ĐỨC	9/1	NAM	15/05/2002	TP.HCM	5.00	3.50	3.25	0.00	20.00
33	27562	LÊ MINH	ĐỨC	9/1	NAM	17/06/2002	TP.HCM	5.50	4.25	4.00	1.00	24.25
34	27566	BÙI NGỌC HƯƠNG	GIANG	9/5	NỮ	15/10/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.75	9.00	7.25	2.00	39.00
35	27569	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	GIANG	9/6	NỮ	11/01/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.00	7.00	7.25	1.00	36.50
36	27577	NGUYỄN NGỌC	HẢI	9/6	NAM	15/03/2002	ĐỒNG NAI	6.25	7.00	7.25	1.00	35.00
37	27579	LÊ NGUYỄN KHÁNH	HÀO	9/4	NAM	30/11/2002	TP.HCM	5.50	2.50	3.25	0.50	20.50
38	27580	LÝ ĐẠI	HÀO	9/4	NAM	12/02/2002	NINH THUẬN	7.00	4.00	2.00	1.00	23.00
39	27585	VŨ TRẦN ANH	HÀO	9/3	NAM	30/12/2002	TP.HCM	5.00	6.25	6.25	1.00	29.75
40	27586	TRẦN GIA	HÂN	9/4	NỮ	01/12/2002	BR- VŨNG TÀU	8.50	8.00	7.25	1.50	41.00
41	27587	TRẦN NGUYỄN GIA	HÂN	9/2	NỮ	28/03/2002	TP.HCM	7.50	6.25	4.25	0.50	30.25
42	27593	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	9/2	NỮ	25/01/2002	TP.HCM	6.50	3.00	1.50	0.50	19.50
43	27597	NGUYỄN THẾ	HIẾU	9/1	NAM	04/01/2002	TP.HCM	6.50	8.50	6.75	1.50	36.50
44	27598	NGUYỄN VĂN	HIẾU	9/2	NAM	17/02/2002	TP.HCM	6.25	5.50	5.25	1.00	29.50
45	27604	ĐẶNG HOÀNG CÔNG	HUÂN	9/4	NAM	03/06/2002	TP.HCM	6.00	7.75	6.00	1.50	33.25
46	27606	HOÀNG HỒ TRỌNG	HÙNG	9/6	NAM	05/07/2002	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	6.25	5.25	5.50	1.50	30.25
47	27607	ĐINH MINH	HUY	9/1	NAM	16/03/2002	TP.HCM	6.50	5.25	4.25	2.00	28.75
48	27608	LÊ QUỐC	HUY	9/4	NAM	28/10/2002	TP.HCM	6.25	8.00	6.00	1.50	34.00
49	27617	TRẦN NHẬT	HUY	9/2	NAM	06/08/2002	TP.HCM	5.75	8.25	6.25	1.50	33.75
50	27624	PHẠM QUỐC	HÙNG	9/4	NAM	07/06/2002	TP.HCM	6.25	5.00	2.75	1.50	24.50
51	27625	PHẠM VÕ THÀNH	HÙNG	9/2	NAM	09/07/2002	BẾN TRE	6.25	4.75	3.25	1.50	25.25
52	27627	ĐỖ LAN	HƯƠNG	9/6	NỮ	03/10/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.00	8.75	5.25	1.50	34.75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS LÊ VĂN TÁM

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
53	27629	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	9/1	NỮ	27/06/2002	TP.HCM	5.25	4.75	3.75	0.50	23.25
54	27631	HUỖNH BẢO	KHANG	9/2	NAM	01/01/2002	TP.HCM	4.75	4.75	3.00	2.50	22.75
55	27632	LÊ ĐÌNH VĨNH	KHANG	9/3	NAM	14/08/2002	TP.HCM	6.75	7.50	5.75	2.50	35.00
56	27633	NGUYỄN QUANG	KHANG	9/3	NAM	01/01/2002	TP.HCM	7.75	9.00	6.25	1.50	38.50
57	27636	NGUYỄN VŨ BẢO	KHANH	9/7	NAM	26/03/2002	TP HCM	5.75	9.25	6.50	1.50	35.25
58	27640	LÊ HUY	KHÁNH	9/3	NAM	25/08/2002	TP.HCM	5.75	8.00	5.50	1.50	32.00
59	27643	TRẦN VÂN	KHÁNH	9/2	NỮ	22/09/2002	TP.HCM	7.50	8.50	7.25	1.50	39.50
60	27644	BÙI ĐẠT	KHOA	9/4	NAM	03/06/2002	TP.HCM	6.50	6.50	5.25	1.50	31.50
61	27647	NGUYỄN ĐỖ ĐÌNH	KHOA	9/6	NAM	13/05/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.50	8.25	5.00	1.50	34.75
62	27649	TÔ ANH	KHOA	9/5	NAM	12/12/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.75	8.75	8.00	1.50	41.75
63	27650	TRẦN ANH	KHOA	9/3	NAM	08/07/2002	TP.HCM	4.50	5.75	4.50	0.50	24.25
64	27651	TRẦN NGỌC MINH	KHOA	9/6	NỮ	25/04/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.00	7.25	6.00	1.50	34.75
65	27652	NGUYỄN VÕ MINH	KHÔI	9/1	NAM	13/06/2002	TP.HCM	6.00	6.00	4.75	1.50	29.00
66	27653	TRẦN BÍCH	KHUÊ	9/3	NỮ	16/09/2002	TP.HCM	6.25	8.25	7.00	0.50	35.25
67	27655	ĐẶNG HOÀNG TUẤN	KIỆT	9/8	NAM	09/08/2002	TP HCM	7.25	8.50	7.25	2.50	40.00
68	27660	CAO THIÊN	KIM	9/3	NỮ	03/02/2002	TP.HCM	6.25	5.25	3.75	1.50	26.75
69	27662	NGUYỄN HỒNG	KỶ	9/8	NAM	24/04/2002	TP HCM	7.00	8.00	7.00	1.50	37.50
70	27667	NGUYỄN ĐÌNH	LĂNG	9/2	NAM	10/03/2002	TP.HCM	6.75	7.00	5.50	0.50	32.00
71	27668	NGUYỄN TIẾN	LẬP	9/4	NAM	21/05/2002	TP.HCM	7.50	6.75	7.25	1.50	37.75
72	27672	HUỖNH TRẦN PHÚC ÁI	LINH	9/5	NỮ	24/08/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.25	6.75	6.00	1.00	34.25
73	27674	LẠI NGỌC ÁNH	LINH	9/1	NỮ	26/10/2002	TP.HCM	7.75	7.25	4.25	1.00	32.25
74	27679	VÕ HOÀNG ÁNH	LINH	9/1	NỮ	08/08/2002	TP.HCM	7.25	4.00	4.75	1.00	29.00
75	27685	PHAN NGỌC	LONG	9/2	NAM	21/07/2002	TP.HCM	5.50	5.00	5.00	0.50	26.50
76	27691	NGUYỄN TÚ	LUÂN	9/8	NAM	05/07/2002	TP HCM	5.50	9.50	7.00	1.50	36.00
77	27700	PHẠM PHƯƠNG	MAI	9/3	NỮ	28/05/2002	TP.HCM	7.25	6.75	5.75	0.00	32.75
78	27703	TRẦN HUỖNH NGỌC	MAI	9/4	NỮ	14/02/2002	TP.HCM	6.50	6.50	5.50	1.00	31.50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS LÊ VĂN TÁM

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
79	27708	NGUYỄN HỮU	MINH	9/1	NAM	05/08/2002	TP.HCM	6.50	6.25	4.00	1.00	28.25
80	27712	TRẦN NGỌC	MINH	9/1	NAM	10/04/2002	TP.HCM	7.50	7.50	4.25	3.50	34.50
81	27721	TRẦN NGỌC	MY	9/3	NỮ	02/12/2002	TP.HCM	7.25	8.00	6.00	1.00	35.50
82	27727	TRẦN NHẬT	NAM	9/4	NAM	19/07/2002	TP.HCM	6.75	9.50	6.00	1.50	36.50
83	27729	NGUYỄN CÔNG	NĂNG	9/8	NAM	27/02/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.50	8.00	4.75	1.50	34.00
84	27731	PHẠM NGỌC THÚY	NGA	9/4	NỮ	04/09/2002	TP.HCM	6.25	2.50	4.75	0.00	24.50
85	27732	TRẦN LÊ THU	NGA	9/4	NỮ	19/02/2002	TP.HCM	7.75	7.50	5.75	1.00	35.50
86	27733	TRẦN PHƯƠNG	NGA	9/4	NỮ	29/03/2002	TP.HCM	7.00	7.75	4.75	1.50	32.75
87	27738	LÊ KIM	NGÂN	9/4	NỮ	02/08/2002	TP.HCM	6.75	6.50	5.00	1.50	31.50
88	27739	NGUYỄN KIM	NGÂN	9/2	NỮ	13/12/2002	HÀ NỘI	7.25	8.25	3.25	1.00	30.25
89	27742	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	9/7	NỮ	11/08/2002	TP HCM	7.75	9.25	6.50	1.50	39.25
90	27743	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	9/2	NỮ	26/05/2002	TP.HCM	7.75	5.75	6.25	1.50	35.25
91	27753	NGUYỄN ĐÌNH	NGHI	9/6	NAM	07/06/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.00	7.75	3.50	1.00	27.75
92	27755	VÕ ĐIỀN GIA	NGHI	9/3	NỮ	07/03/2002	TP.HCM	6.00	7.75	4.75	0.50	29.75
93	27756	BÙI HUY	NGHĨA	9/4	NAM	18/01/2002	TP.HCM	3.75	6.00	2.00	0.50	18.00
94	27758	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	9/2	NAM	09/07/2002	TP.HCM	6.75	8.25	6.50	1.50	36.25
95	27762	TRẦN HIẾU	NGHĨA	9/6	NAM	11/01/2002	TÂY NINH	7.75	6.00	4.75	1.50	32.50
96	27763	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	9/1	NỮ	11/10/2002	TP.HCM	5.25	4.25	6.75	1.50	29.75
97	27768	LÔ MINH	NGUYỄN	9/2	NAM	05/01/2002	TP.HCM	6.50	8.00	5.00	1.50	32.50
98	27776	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NHẠN	9/1	NỮ	02/09/2002	QUẢNG NGÃI	6.00	7.50	6.00	1.50	33.00
99	27779	LÊ HOÀNG	NHÂN	9/2	NAM	20/12/2002	TP.HCM	7.50	7.00	5.50	1.50	34.50
100	27787	LÊ ĐÌNH VÂN	NHI	9/3	NỮ	19/10/2002	TP.HCM	8.00	8.00	6.50	1.50	38.50
101	27797	LÂM TUYẾT	NHUNG	9/5	NỮ	12/05/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.25	7.00	8.00	1.50	39.00
102	27798	NGUYỄN ĐĂNG HỒNG	NHUNG	9/6	NỮ	10/03/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.25	8.00	3.50	0.00	29.50
103	27800	TRƯỜNG THỊ CẨM	NHUNG	9/2	NỮ	10/10/2002	ĐỒNG NAI	7.00	5.00	4.25	0.00	27.50
104	27801	NGUYỄN MINH	NHƯ	9/1	NỮ	21/09/2002	TP.HCM	6.50	8.50	7.25	1.00	37.00

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS LÊ VĂN TÁM

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
105	27809	NGUYỄN HỮU	NINH	9/2	NAM	05/08/2002	TP.HCM	5.50	7.25	5.00	1.50	29.75
106	27814	LÊ TUẤN	PHÁT	9/6	NAM	29/07/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.25	7.25	7.00	1.00	34.75
107	27817	PHAN NHẬT	PHÁT	9/3	NAM	03/07/2002	TP.HCM	7.50	9.00	5.50	1.50	36.50
108	27823	VŨ TUẤN	PHONG	9/4	NAM	19/03/2002	TP.HCM	6.50	8.50	5.75	0.50	33.50
109	27832	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	9/2	NAM	26/12/2002	TP.HCM	6.00	6.00	3.25	1.00	25.50
110	27833	NGUYỄN HUỲNH THIÊN	PHÚC	9/5	NAM	09/12/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.50	6.75	5.75	1.50	34.75
111	27838	PHẠM THỊ NGỌC	PHỤNG	9/3	NỮ	23/02/2002	TP.HCM	-1.00	-1.00	-1.00	0.50	-4.50
112	27839	NGUYỄN TRƯỜNG MINH	PHƯỚC	9/6	NAM	05/01/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.75	7.75	5.75	1.50	34.25
113	27840	LÊ THỊ ÁI	PHƯƠNG	9/1	NỮ	14/07/2002	QUẢNG NGÃI	7.00	7.00	5.00	0.50	31.50
114	27843	PHẠM QUẾ	PHƯƠNG	9/1	NỮ	11/06/2002	TP.HCM	7.75	6.75	7.25	1.50	38.25
115	27845	TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	9/1	NỮ	04/11/2002	TP.HCM	6.50	4.75	4.00	1.00	26.75
116	27848	ĐINH THIÊN	QUANG	9/7	NAM	14/04/2002	TP HCM	5.50	7.25	5.00	1.50	29.75
117	27849	NGUYỄN TIẾN	QUANG	9/3	NAM	11/07/2002	TP.HCM	7.75	9.00	7.50	1.50	41.00
118	27852	VÕ MINH NHẬT	QUANG	9/1	NAM	02/08/2002	TP.HCM	6.75	8.50	5.50	1.00	34.00
119	27853	HUỲNH PHẠM MINH	QUÂN	9/3	NAM	29/11/2002	ĐỒNG THÁP	6.00	7.00	4.50	1.50	29.50
120	27871	DƯƠNG THÁI	SAN	9/2	NAM	24/10/2002	BÌNH THUẬN	5.50	4.50	3.00	0.00	21.50
121	27873	ĐINH NHẬT	SƠN	9/8	NAM	20/10/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.50	7.50	3.75	1.50	29.50
122	27876	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	TÀI	9/1	NAM	25/04/2002	TP.HCM	6.50	5.00	4.75	1.50	29.00
123	27882	TRẦN CHÍ	TÀI	9/3	NAM	19/05/2002	TP.HCM	7.50	8.75	5.00	1.50	35.25
124	27884	ĐÀO THANH	TÂM	9/3	NỮ	13/07/2002	TP.HCM	8.50	6.25	6.00	1.50	36.75
125	27888	HỒ CAO	TÂN	9/4	NAM	08/09/2002	TP.HCM	7.50	8.00	6.25	1.50	37.00
126	27889	LÊ CÔNG	TÂN	9/6	NAM	26/11/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.00	7.25	6.00	1.50	32.75
127	27907	NGUYỄN TRẦN THANH	THẢO	9/4	NỮ	22/10/2002	TP.HCM	8.50	8.75	5.00	1.50	37.25
128	27908	TẶNG HUỲNH UYÊN	THẢO	9/5	NỮ	11/10/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.75	6.75	7.00	1.00	37.25
129	27917	BÙI THỊ KIM	THOA	9/2	NỮ	10/04/2002	ĐAKLAK	6.75	3.75	2.00	0.50	21.75
130	27918	LÊ MINH	THÔNG	9/8	NAM	22/07/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.75	9.25	7.00	1.50	40.25

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS LÊ VĂN TÁM**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
131	27926	TRẦN THỊ THANH	THỦY	9/3	NỮ	22/11/2002	TP.HCM	6.50	5.25	3.25	0.00	24.75
132	27932	MAI NGUYỄN ANH	THỦ	9/2	NỮ	25/10/2002	TP.HCM	7.75	9.75	6.50	1.50	39.75
133	27940	VÕ ANH	THY	9/3	NỮ	24/01/2002	TP.HCM	7.50	6.50	6.75	1.50	36.50
134	27942	HUỖNH PHẠM THỦY	TIỀN	9/3	NỮ	21/10/2002	TP.HCM	7.25	4.00	4.25	0.50	27.50
135	27943	NGUYỄN NGỌC MỸ	TIỀN	9/3	NỮ	05/02/2002	TP.HCM	8.00	7.25	7.00	1.50	38.75
136	27944	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TIỀN	9/4	NỮ	18/09/2002	TIỀN GIANG	6.50	6.50	4.00	1.50	29.00
137	27953	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	TOÀN	9/5	NAM	01/07/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.50	8.00	7.00	1.00	36.00
138	27958	PHẠM HẠNH PHƯƠNG	TRANG	9/2	NỮ	22/08/2002	TP.HCM	7.50	6.75	5.25	0.50	32.75
139	27959	TẠ ĐẶNG KIỀU	TRANG	9/4	NỮ	17/08/2002	QUẢNG NGÃI	4.25	5.75	2.25	0.50	19.25
140	27966	HUỖNH BẢO	TRÂN	9/4	NỮ	12/08/2002	TP.HCM	7.50	6.00	5.25	1.50	33.00
141	27983	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	9/1	NỮ	16/11/2002	TP.HCM	7.25	8.75	6.75	1.50	38.25
142	27985	NGUYỄN HOÀI THANH	TRÚC	9/2	NỮ	16/03/2002	TP.HCM	7.75	6.25	5.25	1.50	33.75
143	27991	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	9/1	NAM	23/12/2002	QUẢNG NGÃI	6.25	6.00	2.75	1.50	25.50
144	27994	PHAN MINH	TRUNG	9/6	NAM	17/10/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.75	8.25	7.25	0.50	36.75
145	28001	NGUYỄN CHÁNH	TÚ	9/2	NAM	29/07/2002	TP.HCM	7.00	5.25	4.75	1.00	29.75
146	28017	PHAN THỊ THANH	TUYẾN	9/4	NỮ	05/03/2002	TP.HCM	6.75	6.75	6.00	1.50	33.75
147	28020	DƯƠNG THỊ HOÀNG	UYÊN	9/4	NỮ	12/09/2001	TP.HCM	7.50	6.75	5.00	1.50	33.25
148	28024	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	9/1	NỮ	25/07/2002	TP.HCM	7.75	8.75	8.00	1.00	41.25
149	28025	TRẦN BÍCH	UYÊN	9/7	NỮ	01/04/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.50	9.50	6.75	2.50	40.50
150	28027	TRỊNH NHƯ TUYẾT	UYÊN	9/3	NỮ	02/01/2002	TP.HCM	7.50	7.25	7.00	1.50	37.75
151	28028	UÔNG THỊ LAN	UYÊN	9/1	NỮ	05/01/2002	BÌNH PHƯỚC	8.25	8.00	4.25	1.50	34.50
152	28034	CHU KIM	VI	9/6	NỮ	18/06/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	7.25	8.50	3.75	1.50	32.00
153	28036	ĐẶNG HOÀNG	VIỆT	9/3	NAM	17/05/2002	TP.HCM	6.75	7.75	5.75	1.50	34.25
154	28037	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	9/8	NAM	14/03/2002	NGHỆ AN	6.75	9.00	6.00	1.50	36.00
155	28038	PHẠM HỒNG	VIỆT	9/2	NAM	19/08/2002	TP.HCM	7.50	5.25	3.25	1.50	28.25
156	28042	LUU QUANG	VINH	9/3	NAM	27/11/2002	TP.HCM	4.50	3.25	2.75	1.00	18.75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS LÊ VĂN TÁM

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
157	28043	NGUYỄN HỮU	VINH	9/1	NAM	05/08/2002	TP.HCM	5.75	4.75	4.50	1.50	26.75
158	28045	ĐỖ HOÀNG GIA	VŨ	9/1	NAM	06/12/2002	TP.HCM	5.75	6.00	3.75	1.00	26.00
159	28047	VÕ LÊ HOÀNG	VŨ	9/3	NAM	03/10/2002	TP.HCM	5.75	4.50	3.50	1.50	24.50
160	28048	TRẦN ĐỨC	VŨƠNG	9/3	NAM	01/04/2002	BÌNH ĐỊNH	6.50	4.25	1.25	0.00	19.75
161	28054	LƯƠNG TƯỜNG	VY	9/7	NỮ	04/02/2002	TP HCM	8.25	9.75	8.00	1.50	43.75
162	28055	NGUYỄN THANH	VY	9/2	NỮ	06/12/2002	TP.HCM	6.00	4.50	3.75	1.50	25.50
163	28059	PHẠM PHƯƠNG	VY	9/7	NỮ	22/05/2002	TP HCM	6.00	8.25	5.50	1.50	32.75
164	28065	TRẦN NGỌC THẢO	VY	9/3	NỮ	16/08/2002	TP.HCM	4.75	4.00	3.75	0.50	21.50
165	28066	TRẦN NGUYỄN NHẬT	VY	9/6	NỮ	05/10/2002	TP.HỒ CHÍ MINH	6.50	4.75	7.00	3.00	34.75

TỔNG CỘNG CỎ 165 THÍ SINH

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS LÊ VĂN TÁM

Số TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
							VĂN	N. NGỮ	TOÁN		